

Bản án số: **60/2022/HS-ST**
Ngày: 15-7-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Hiền

Thẩm phán: Ông Võ Văn Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Xuân Vinh

Ông Ngô Quang Bình

Ông Thái Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Hoàng Thái Bình - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 15 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/TLST-HS ngày 27 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Thị L, sinh ngày 16/01/1971 tại Thái Bình. Nơi cư trú: Số 86 HTP, khu phố TC, pH VH, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ, tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam, con ông Trần Hữu L và bà Bùi Thị Th; chồng Lê Hoàng N (đã ly hôn); anh em ruột có 5 người, lớn nhất sinh năm 1969, nhỏ nhất sinh năm 1980; con 02 người, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1998; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/5/2021 cho đến nay. (Có mặt)

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo:

Luật sư **Vũ Diệu H** – Văn phòng luật sư Diệu H và công sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

- Bị hại:

01. Trường Tiểu học NBN

Đại diện: Ông **Nguyễn Trọng H**, Chức vụ: Phó hiệu trưởng (quyền hiệu trưởng) (Có mặt)

Địa chỉ: 90/5A NBK, pH VQ, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang

02. Ông **Lê Hữu S**, sinh năm 1971(Có mặt)

Địa chỉ: số 84 HTP, khu phố TC, pH VH, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan:*

01. **Cơ sở nấu ăn TÁDM**

Đại diện Phan Ngọc Yến Th; Chức vụ: Chủ sở sở kinh doanh

Đại diện theo ủy quyền Ông **Đinh Lộc M**, sinh năm 1978 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 72 ĐCT, pH RS, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

02. **Công ty TNHH MTV TM-DV AQ Rạch Giá**

Đại diện: Ông **Phạm Văn T**, Chức vụ: Giám đốc (Có mặt)

Địa chỉ: 65 MC, pH VQ, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang

03. **Cơ sở hộ kinh doanh ĐH**

Đại diện bà **Đinh Thị Trúc H**, Chức vụ: Chủ cơ sở kinh doanh

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Vũ Thị Th**, sinh năm 1965 (Có mặt)

Địa chỉ: 64/23A LTHG, pH VT, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

04. Ông **Phạm Hoàng T**, sinh năm 1993 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 32 ấp TT, xã PThông, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang

05. Ông **Cao Tuấn A**, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: L5-C37 NVH, pH AH, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

06. Bà **Phùng Thị Kim Ng**, sinh năm 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: 315 NCT, pH RS, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang

07. Ông **Nguyễn Hải T**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Khu phố 4, pH ĐH, thành phố HT, tỉnh Kiên Giang

Đại diện theo ủy quyền ông **Phạm Anh V**, sinh năm 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 11, pH DĐ, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang

08. Ông **Cao Văn Đg**, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Địa chỉ: F28 NHCC, pH VQ, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang

09. Bà **Từ Thúy Hg**, sinh năm 1976

- Đại diện theo ủy quyền: Ông **Lâm Tuấn K**, sinh năm 1972 (Có mặt)
Cùng địa chỉ: 446/38/2 NTT, pH VL, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang
10. Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1983 (Có mặt)
Địa chỉ: Số 666 ấp TT, xã PT, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.
11. Ông **Trương Quốc V**, sinh năm 1964 (Có mặt)
Địa chỉ: Số 51/7 MĐC, pH VT, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.
12. Bà **Mai Thị Ngọc Minh**, sinh năm 1978 (Có mặt)
Địa chỉ: Số 20/4 CG, pH VB, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.
13. Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1981 (Có mặt)
Địa chỉ: 1079D/3B LQK, pH AH, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.
14. Bà **Hà Thị L**, sinh năm 1983 (Có mặt)
Địa chỉ: Số 23 CG, pH VB, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.
15. Bà **Ngô Thị Thu H**, sinh năm 1980 (Có mặt)
Địa chỉ: Số 89C/6 CVA, pH VL, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.
16. Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1970 (Có mặt)
Địa chỉ: Số 388/8/22A NBK, pH VQ, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.
17. Bà **Hồ Thị Mai L**, sinh năm 1981 (Có mặt)
Địa chỉ: Số 152 ĐĐ, pH VL, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.
18. Ông **Lê Tấn Bảo Tn**, sinh năm 1974 (Có mặt)
Địa chỉ: Số 55/3 NAN, khu phố 1, pH VL, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.
19. Bà **Vũ Thị Y**, sinh năm 1977 (Có mặt)
Địa chỉ: Số 6 Đặng TC, pH VL, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.
20. Bà **Vũ Thị Thu H**, sinh năm 1993 (Có mặt)
Địa chỉ: 216 Ấp ĐB, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Kiên Giang.
21. Bà **Nguyễn Thị Ph**, sinh năm 1980 (Có mặt)
Địa chỉ: Số 118 TTT, pH VL, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.
22. Bà **Sử Thị Ph**, sinh năm 1972 (Có mặt)
Địa chỉ: Số 93 NQ, pH VB, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.
23. Bà **Trần Thị Thu H**, sinh năm 1974 (Có mặt)
Địa chỉ: L4C1 Hẻm 90 NBK, pH VQ, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.
24. Bà **Lưu Thị Ngọc L**, sinh năm 1978 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 1/7 STÂ, pH VB, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

25. Bà **Nguyễn Thị Ngọc L**, sinh năm 1981 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 45 MT, pH VT, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

26. Bà **Phạm Thị Thu Th**, sinh năm 1978 (Có mặt)

Địa chỉ: 148 LQK, pH VB, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

27. Ông **Trần Minh K**, sinh năm 1995 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 11 ĐĐ, pH VL, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

28. Ông **Hồ Thanh Tn**, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 73/33 HBT, pH VQ, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

29. Bà **Huỳnh Thị Mỹ H**, sinh năm 1983 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 213 TP, pH VTV, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

30. Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1990 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 77/1 Hẻm 11 VT, pH VQ, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

31. Ông **Phạm Trung D**, sinh năm 1995 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 101 LQK, pH VB, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

32. Ông **Lê Minh Q**, sinh năm 1979 (Có mặt)

Địa chỉ: 65 Hải TLÔ, khu phố 1, pH RS, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

33. Ông **Mã Chấn Tn**, sinh năm 1998 (Có mặt)

Địa chỉ: 25 NCT, pH RS, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

34. Ông **Nguyễn Tuấn Th**, sinh năm 1997 (Có mặt)

Địa chỉ: 26E6 ĐĐ nổi dài, pH VL, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

35. Bà **Nguyễn Yến L**, sinh năm 1994 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 597/61 VT, pH VQ, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

36. Ông **Huỳnh Thanh Tng**, sinh năm 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: 126 tổ 3, ấp SĐ, xã VHH, huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

37. Bà **Huỳnh Thị Anh Th**, sinh năm 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: 34/5/6 NTH, pH VB, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người L quan bà Trần Thị H:*

Luật sư **Phạm Anh V** – Văn phòng luật sư Anh V thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang
(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị L được bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Tiểu học NBN theo Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá, có thời hạn 05 năm. Đến ngày 30/3/2021, Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá ban hành Quyết định số 01/QĐ-UBND về việc cách chức Hiệu trưởng Trường Tiểu học NBN, thành phố Rạch Giá đối với Trần Thị L. Trong quá trình giữ chức vụ Hiệu trưởng, Trần Thị L lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn được giao quản lý tài chính, chiếm đoạt tài sản của Trường Tiểu học NBN; đồng thời, Trần Thị L có hành vi gian dối trong việc sang nhượng quyền sử dụng đất, nhà ở để chiếm đoạt tài sản.

1. Về hành vi tham ô tài sản

Trong năm học 2019-2020 và 2020-2021, Trần Thị L với chức vụ Hiệu trưởng đã ký ban hành Quy chế làm việc số 01 ngày 21/9/2019 và số 01 ngày 17/10/2020 của Trường Tiểu học NBN (Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ Giáo dục và đào tạo và Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo); theo đó, Hiệu trưởng có quyền quản lý và tự chủ trong việc quản lý, sử dụng các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường theo quy định. Việc thu, chi tài chính thực hiện theo Thông tư số 13/2017/TT-BTC, ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính và Công văn số 285/UBND-VP, ngày 08/8/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá, quy định: các nguồn thu được phải gửi vào tài khoản của đơn vị tại ngân hàng thương mại hoặc kho bạc nhà nước; phải mở sổ sách kế toán, sổ quỹ tiền mặt để quản lý, theo dõi các nguồn thu, chi và phải minh bạch xuyên suốt chiều quỹ tiền mặt giữa kế toán và thủ quỹ theo quy định. Tuy nhiên, Trần Thị L không thực hiện đúng quy định trên, lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao quản lý tài chính, thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt các khoản tiền ngoài ngân sách của Trường Tiểu học NBN đối với nguồn tiền bán trú, tiền bồi dưỡng cho giáo viên, tiền đồng phục học sinh, tiền cho thuê mặt bằng bán căn tin và tiền vận động khen thưởng với tổng số tiền 2.586.693.000 đồng, cụ thể:

1.1. Về hành vi chiếm đoạt tiền bán trú và tiền bồi dưỡng bán trú cho giáo viên.

Trong 02 năm học 2019-2020 và 2020-2021, Trường Tiểu học NBN được Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá phê duyệt quyết định kế hoạch tổ chức các lớp bán trú. Theo kế hoạch số 14 ngày 06/9/2019 và số 12 ngày 29/9/2020 của Trường Tiểu học NBN về việc tổ chức hoạt động bán trú và định mức chi bồi dưỡng cho các bộ phận tham gia bán trú, Hiệu trưởng chịu trách nhiệm toàn bộ trong hoạt động quản lý, điều hành giảng dạy các lớp bán trú (trong đó có theo dõi các khoản thu, chi các lớp bán trú). Căn cứ định mức thu, chi kinh phí bán trú theo quy định của Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Rạch Giá (số 02/NQ-HĐND ngày 16/01/2018 và số 28/2020/NQ-HĐND ngày 30/7/2020), hàng tháng trong năm học 2019-2020, Trường Tiểu học NBN trích 80% của tổng số tiền dịch vụ bán trú thu được để chi bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phục vụ các lớp bán trú, 20% còn lại chi mua sắm trang thiết bị dạy học; đến năm học 2020-2021, hàng

tháng trích 55% của tổng số tiền dịch vụ bán trú thu được để chi bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phục vụ các lớp bán trú, 10% mua sắm trang thiết bị, 35% tăng cường cơ sở vật chất).

Năm học 2019-2020, trường mở 13 lớp bán trú với tổng số 505 học sinh, nhà trường thu tiền phí phục vụ 150.000 đồng/tháng/học sinh và tiền ăn 27.000 đồng/suất ăn/học sinh đối với các học sinh học bán trú. Đến năm học 2020-2021, trường mở 15 lớp bán trú với tổng số 629 học sinh, nhà trường thu tiền phí phục vụ 250.000 đồng/tháng/học sinh và tiền ăn 30.000 đồng/suất ăn/học sinh (tiền phí phục vụ thì trường thu theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Rạch Giá, riêng tiền ăn bán trú thu theo thỏa thuận của phụ huynh học sinh).

Vào đầu 02 năm học, Trần Thị L là Hiệu trưởng, đại diện Trường Tiểu học NBN và Cơ sở nấu ăn Trinh áo dài mới do bà Phan Ngọc Yến Thanh, chủ cơ sở đại diện ký kết hợp đồng số 27 ngày 04/9/2019 và hợp đồng số 38 ngày 08/9/2020 về việc cung cấp suất ăn cho các lớp bán trú với giá như sau: năm học 2019-2020 là 27.000 đồng/suất ăn/học sinh; năm học 2020-2021 là 30.000 đồng/suất ăn/học sinh; việc thanh toán chia làm 02 đợt vào ngày 15 hàng tháng và ngày cuối tháng (ngày 30 hoặc 31) bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Tuy nhiên việc quản lý tài chính thu, chi tiền bán trú của Trường Tiểu học NBN không thực hiện theo đúng quy định như trên, cụ thể: Vào đầu tháng, giáo viên chủ nhiệm các lớp bán trú thu tiền của học sinh (thu có biên lai), mỗi ngày có chốt với bộ phận y tế số học sinh ăn và không ăn. Sau khi thu tiền xong, giáo viên chủ nhiệm nộp lại cho bà Trần Thị H - Thủ quỹ Trường Tiểu học NBN (ký giao tiền trên sổ tay của bà H). Sau khi nhận tiền từ các giáo viên chủ nhiệm, bà H không nộp kho bạc theo quy định mà làm theo sự chỉ đạo của Trần Thị L (chỉ đạo miệng) là giao toàn bộ số tiền thu được cho L quản lý và tự chi các khoản như: trả tiền cung cấp suất ăn bán trú, bồi dưỡng cho giáo viên lớp bán trú, mua dụng cụ vệ sinh, trả lại tiền học sinh không ăn. Riêng tiền dùng để chi trả cho cơ sở nấu ăn, L không trực tiếp chi trả mà đưa tiền cho bà H để thanh toán với cơ sở nấu ăn (L đưa bao nhiêu tiền thì bà H chuyển trả đầy đủ cho cơ sở nấu ăn thông qua tài khoản ngân hàng). Trong năm học 2019-2020, việc thu tiền học bán trú từ tháng 09/2019 đến tháng 01/2020, sau đó do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên trường không tổ chức cho học sinh học bán trú từ tháng 02/2020 đến khi kết thúc năm học. Tuy nhiên, trong tháng 01/2020 của năm học 2019-2020 và các tháng 9, 10, 11 của năm học 2020-2021, Trần Thị L quản lý tài chính và tự chi số tiền bán trú của trường (do bà H giao lại), nhưng L không giao tiền cho bà H để thanh toán cho cơ sở nấu ăn, không trực tiếp thanh toán cho cơ sở nấu ăn và không chi mua sắm trang thiết bị dạy học bán trú. Qua đó, Trần Thị L đã chiếm đoạt của trường tổng số tiền 1.353.346.000 đồng (gồm: tháng 01/2020 là 172.555.000 đồng, tháng 9/2020 là 301.561.000 đồng, tháng 10/2020 là 453.730.000 đồng và tháng 11/2020 là 425.500.000 đồng), trong đó, L chiếm đoạt số tiền 1.107.264.000 đồng của trường phải thanh toán cho cơ sở nấu ăn Trinh Áo dài mới, còn lại 246.082.000 đồng là số tiền mua trang thiết bị phục vụ bán trú.

Tiếp tục đến tháng 12/2020, Trần Thị L chỉ đạo cho bà H giao lại tiền bán trú thu được với số tiền 52.146.000 đồng (số tiền này có được do bà H thu tiền bán trú từ ngày 01 đến ngày 02/12/2020 của các cô Nguyễn Thị Phương – giáo viên chủ

nhiệm (GVCN) lớp 1/1, Sử Thị Phụng - GVCN lớp 1/3 và Trần Thị Thu Hương - GVCN lớp 2/1) để L quản lý và tự chi; đồng thời trong tháng này, L đã lợi dụng việc kiêm nhiệm là giáo viên chủ nhiệm lớp 3/4 để thu tiền bán trú với số tiền 34.780.000 đồng của 37 học sinh (còn lại số tiền 6.580.000 đồng là do bà Nguyễn Yến Linh - Cán bộ y tế thu của 07 em học sinh theo sự chỉ đạo của ông Nguyễn Trọng Hưng - Phó Hiệu trưởng, sau đó bà Linh đã giao lại bà H số tiền trên để quản lý và nộp kho bạc đúng quy định). Đến cuối tháng 12/2020, Trần Thị L có chi trả lại số tiền mà học sinh các lớp không ăn với số tiền 10.710.000 đồng, số tiền còn lại thì L chiếm đoạt số tiền 76.216.000 đồng.

Ngoài ra trong tháng 11/2020, Trần Thị L lợi dụng việc quản lý, tự chi tiền bán trú đã chiếm dụng tiền bồi dưỡng cán bộ, nhân viên dạy và phục vụ các lớp bán trú. Để không bị phát hiện, L đã dùng tiền bồi dưỡng của tháng 12/2020 để bù đắp cho tiền bồi dưỡng tháng 11, nhưng từ tháng 12/2020 trở về sau, thủ quỹ của trường (bà H) khi thu tiền dịch vụ bán trú và tiền ăn bán trú đã gửi số tiền thu được vào kho bạc Nhà nước theo quy định. Tuy nhiên, L đã lợi dụng là chủ tài khoản của trường nên hàng tháng (từ tháng 12/2020 đến tháng 02/2021) đã dùng dịch vụ Internet banking để chuyển trả tiền bồi dưỡng giáo viên, nhân viên dạy và phục vụ các lớp bán trú với thủ đoạn là dùng tiền bồi dưỡng của tháng sau trả cho tháng trước (tiền bồi dưỡng của tháng 12/2020 trả cho tháng 11/2020, tiền bồi dưỡng của tháng 01/2021 trả cho tháng 12/2020 và tiền bồi dưỡng của tháng 02/2021 trả cho tháng 01/2021). Đến tháng 3/2021, do đã bị cách chức Hiệu trưởng nên L không thể chuyển trả tiền bồi dưỡng giáo viên, nhân viên dạy và phục vụ các lớp bán trú của tháng 02/2021 như cách trên với tổng số tiền 74.450.000 đồng (tổng cộng là 30 người, người nhiều nhất là 3.450.000 đồng, người ít nhất là 1.200.000 đồng).

Như vậy, Trần Thị L chiếm đoạt tiền bán trú của trường thu được trong tháng 12/2020 và tiền bồi dưỡng bán trú của giáo viên, nhân viên phục vụ trong trường trong tháng 02/2021 với tổng số tiền 150.666.000 đồng.

1.2. Về hành vi chiếm đoạt tiền đồng phục

Ngày 04/6/2019 và 28/6/2019, Trần Thị L đại diện cho Trường Tiểu học NBN ký hợp đồng kinh tế số 68/HĐKT và số 01/PLHĐ với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại-dịch vụ AQ Rạch Giá (Công ty AQ) do ông Phạm Văn T, Giám đốc làm đại diện về việc đặt may đồng phục học sinh tiểu học, có thời hạn 05 năm; Việc thanh toán tiền đồng phục được thực hiện bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản sau khi nhận hàng.

Trong năm học 2019-2020, bà Trần Thị H đã thu số tiền đồng phục phát sinh (áo nữ: 28 cái, váy nữ 49 cái, áo nam 28 cái, quần nam 17 cái và đồ thể dục 86 cái) với tổng số tiền 20.703.000 đồng và giao lại cho bà L để thanh toán cho Công ty AQ, nhưng L không thanh toán mà chiếm đoạt sử dụng. Tiếp tục trong năm học 2020-2021, Công ty AQ đã cung cấp cho trường các loại đồng phục theo chủng loại và size (gồm áo nữ 886 cái, váy nữ 820 cái, áo nam 944 cái, quần nam 863 cái và thể dục 1093 bộ) với tổng số tiền 414.229.000 đồng. Từ tháng 7/2020 đến tháng 12/2020, bà Trần Thị H đã bán số đồng phục trên cho học sinh với tổng số tiền 414.229.000 đồng. Quá trình bán (khoản từ 02 đến 03 ngày), Trần Thị L yêu

cầu bà H đưa toàn bộ số tiền thu được để tự thực hiện việc thanh toán với Công ty AQ, nhưng L không thanh toán mà chiếm đoạt sử dụng cá nhân. Như vậy trong năm học 2019-2020 và 2020-2021, Trần Thị L đã lợi dụng việc quản lý tài chính và tự chi tiền đồng phục (từ bà H giao lại) đã chiếm đoạt số tiền 434.932.000 đồng của trường dùng để thanh toán cho Công ty AQ.

1.3. Về hành vi chiếm đoạt tiền cho thuê mặt bằng bán căn tin

Ngày 27/8/2018, Trường Tiểu học NBN, thành phố Rạch Giá (đại diện là Trần Thị L, Hiệu trưởng và bà Đạp Thị Lập, chủ tịch công đoàn) ký hợp đồng số 01/HĐCT-THNBN với bà Từ Thúy Hằng về việc cho thuê mặt bằng bán căn tin. Nội dung chính của hợp đồng: Trường Tiểu học NBN chấp nhận cho bà Từ Thúy Hằng thuê bán căn tin tại trường là khoảng đất trống số 73 Nguyễn Trung Trực, Vĩnh Bảo chưa được xây dựng với thời gian thuê từ ngày 01/9/2018 đến ngày 31/5/2023; số tiền thuê: 401.000.000 đồng/năm học/08 tháng.

Thực hiện hợp đồng trên, bà Hằng đã nộp tiền thuê mặt bằng bán căn tin 03 lần cho trường, gồm lần thứ 1: vào ngày 30/8/2018 với số tiền nộp 401.000.000 đồng; lần thứ 2: vào ngày 06/9/2019 với số tiền nộp 150.000.000 đồng. Trong 02 lần nộp tiền trên, trường có ra phiếu thu có chữ ký của kế toán là ông Trương Quốc Việt, thủ quỹ là bà Trần Thị H và Hiệu trưởng là Trần Thị L. Sau đó, bà H đều nộp toàn bộ số tiền thu được vào kho bạc Nhà nước theo quy định. Riêng lần thứ 3: vào ngày 21/11/2020, bà Hằng nộp số tiền 401.000.000 đồng cho trường và người trực tiếp nhận tiền là Trần Thị L. Khi thu tiền, L có đưa phiếu thu ngày 21/11/2020, có chữ ký của “Kế toán trưởng” là Trương Quốc Việt, “Thủ quỹ” là Trần Thị H, “Thủ trưởng” là Trần Thị L cho bà Hằng giữ. Tuy nhiên, sau khi thu số tiền 401.000.000 đồng của bà Hằng vừa nộp, L không giao lại cho bà H để nộp kho bạc và cũng không trực tiếp nộp vào kho bạc nhà nước theo quy định mà chiếm đoạt tiêu xài cá nhân.

Kết quả điều tra và giám định, xác định ông Việt và bà H không ký vào phiếu thu ngày 21/11/2020 mà do L ký giả chữ ký của ông Việt và bà H. Ông Việt và bà H hoàn toàn không biết việc bị can L đã giả chữ ký của mình và chiếm đoạt số tiền 401.000.000 đồng trên của trường.

1.4. Về hành vi chiếm đoạt tiền phục vụ hoạt động khen thưởng

Vào cuối năm học 2019-2020, Trường Tiểu học NBN có ban hành kế hoạch số 05/KH-TH ngày 10/6/2020 về việc vận động sự đóng góp theo tinh thần Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/08/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm mục đích huy động sự đóng góp của Cha mẹ học sinh hỗ trợ hoạt động khen thưởng học sinh cuối năm 2019-2020.

Thực hiện kế hoạch trên, Trường Tiểu học NBN đã nhận được sự đóng góp của Cha/mẹ học sinh với tổng số tiền 318.708.000 đồng. Quy trình thu tiền trên được thực hiện như sau: Giáo viên chủ nhiệm thu tiền vận động khen thưởng của các cha/mẹ học sinh theo từng lớp (thu theo tinh thần tự nguyện không quy định mức thu cụ thể, có sổ sách theo dõi việc thu tiền của từng cha/mẹ học sinh). Sau khi thu xong, giáo viên chủ nhiệm giao tiền thu được cho thủ quỹ là Trần Thị H để quản lý (có sổ sách theo dõi). Thực hiện sự chỉ đạo của Trần Thị L (chỉ đạo

miệng), bà H thu được bao nhiêu thì giao lại toàn bộ số tiền vận động khen thưởng cho L quản lý và tự chi.

Để có văn phòng phẩm khen thưởng cho các em học sinh, Trần Thị L đã đặt và mua nhiều loại văn phòng phẩm của Cơ sở hộ kinh doanh Đình Hương do bà Đình Thị Trúc Hương làm chủ cơ sở, như: ba lô, cặp, tập, khung khen thưởng... với tổng giá trị 318.375.000 đồng (trong đó, bà Trần Thị H, thủ quỹ nhận văn phòng phẩm tương ứng với số tiền 272.157.000 đồng, bà Nguyễn Yến Linh, cán bộ Y tế của trường nhận văn phòng phẩm tương ứng với số tiền 23.940.000 đồng và L nhận văn phòng phẩm tương ứng với số tiền 22.278.000 đồng). Đến cuối năm học 2019-2020, trường tổ chức trao các phần thưởng là văn phòng phẩm trên cho các em học sinh có thành tích xuất sắc theo kế hoạch. Tuy nhiên, khi quản lý số tiền 318.708.000 đồng do bà H giao lại, L đã thanh toán cho Cơ sở kinh doanh Đình Hương số tiền 71.619.000 đồng, chưa thanh toán và xác nhận nợ số tiền 246.756.000 đồng. Ngoài ra, trong quá trình mua văn phòng phẩm để phục vụ khen thưởng, L có giao lại số tiền 340.000 đồng cho bà H mua 20 cuộn băng keo tại Hiệu buôn Thuận Thành (địa chỉ: 26, đường Phan Chu Trinh, pH Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá). Số tiền còn lại 246.749.000 đồng của trường, L đã chiếm đoạt và sử dụng cá nhân.

Như vậy, Trần Thị L là hiệu trưởng Trường Tiểu học NBN có trách nhiệm quản lý tài chính của trường, nhưng lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt các khoản tiền ngoài ngân sách của trường đối với nguồn tiền bán trú, tiền bồi dưỡng cho giáo viên, tiền đồng phục học sinh, tiền cho thuê mặt bằng bán căn tin và tiền vận động khen thưởng với tổng số tiền 2.586.693.000 đồng, nhằm mục đích trả nợ cho Phạm Thị Mai, Cao Tuấn Anh, Phùng Thị Kim Ngân và sử dụng chi xài cá nhân.

2. Hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Trần Thị L có quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại địa chỉ số 86, đường Huỳnh Tấn Phát, khu phố Thông Chữ, pH Vĩnh Hiệp, thành phố Rạch Giá tỉnh Kiên Giang (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 389062 do UBND thành phố Rạch Giá cấp ngày 22/12/2014, có diện tích đất 210m²). Vào ngày 23/4/2020, L đã ký hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng nhà và đất nêu trên cho ông Nguyễn Hải Tú với giá thực tế là 2.000.000.000 đồng (nhưng thống nhất ghi trong hợp đồng chuyển nhượng là 1.000.000.000 đồng) và hai bên công chứng tại Văn phòng Công chứng Rạch Giá (địa chỉ số 42 đường Lạc Hồng, pH Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang). Cùng ngày 23/4/2020, ông Tú và L ký hợp đồng cho L thuê lại căn nhà và đất đã được chuyển nhượng nêu trên với mức giá 10.000.000 đồng/tháng. Đến ngày 19/5/2020, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thành phố Rạch Giá đã ký xác nhận (biên động) chuyển tên chủ sở hữu nhà và đất số 86, đường Huỳnh Tấn Phát từ Trần Thị L sang tên ông Nguyễn Hải Tú.

Nhưng đến ngày 30/01/2021, Trần Thị L tiếp tục ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà, đất tại địa chỉ số 86, đường Huỳnh Tấn Phát, khu phố Thông Chữ, pH Vĩnh Hiệp, thành phố Rạch Giá cho ông Lê Hữu Sang với giá 2.400.000.000 đồng thông qua việc giới thiệu của ông Cao Văn Đăng

(hợp đồng được hai bên ký vào ngày 30/01/2021, ông Đặng là người ký chứng kiến và hợp đồng không có công chứng), với phương thức thanh toán chia thành 03 lần (lần 01 giao số tiền 200.000.000 đồng, lần 02 ra công chứng sẽ giao tiếp 700.000.000 đồng và lần 03 giao đủ khi ngân hàng hỗ trợ vay 1.500.000.000 đồng). Trần Thị L đã 05 lần nhận tiền bán nhà đất số 86, đường Huỳnh Tấn Phát của ông Sang với tổng số tiền 530.000.000 đồng, gồm: lần thứ 1 vào ngày 30/01/2021 (ngày ký hợp đồng mua bán) là 200.000.000 đồng; lần thứ 2 vào ngày 10/02/2021 là 100.000.000 đồng (có biên nhận nhận tiền của L); lần thứ 3 vào ngày 07/3/2021 là 30.000.000 đồng (không có biên nhận); lần thứ 4 vào ngày 11/3/2021 là 100.000.000 đồng (ông Sang chuyển vào tài khoản của L tại ngân hàng Vietcombank) và lần thứ 5 vào ngày 18/3/2021 là 100.000.000 đồng (ông Sang chuyển vào tài khoản của L tại ngân hàng Techcombank). Tất cả các lần chuyển tiền, nhận tiền trên giữa ông Sang và L thống nhất sẽ căn trừ vào phần tiền mua bán nhà, đất số 86, đường Huỳnh Tấn Phát, phường Vĩnh Hiệp, thành phố Rạch Giá. Trần Thị L sử dụng số tiền trên để trả cho ông Phạm Hoàng Tú 9.000.000 đồng, Cao Văn Đặng 14.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân.

Như vậy, Trần Thị L đã có hành vi gian dối trong việc đưa ra thông tin không đúng về quyền sử dụng đối với nhà, đất tại số 86, đường Huỳnh Tấn Phát, phường Vĩnh Hiệp, thành phố Rạch Giá (L nói với ông Sang là nhà và đất trên đã được L thế chấp, cầm cố nhưng trên thực tế nhà và đất trên đã được L ký hợp đồng chuyển nhượng cho ông Tú vào ngày 23/4/2020) nên ông Sang mới đồng ý mua, ký hợp đồng và chuyển cho L tiền mua nhà, đất 05 lần với tổng số tiền 530.000.000 đồng. Đến ngày 06/7/2021, ông Sang có đơn tố cáo do phát hiện Trần Thị L có hành vi lừa đảo nhằm chiếm đoạt số tiền khi quyền sử dụng đất, nhà trên đã bán cho ông Nguyễn Hải Tú.

* Trong quá điều tra, Trần Thị L luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác tốt với Cơ quan Cảnh sát điều tra trong việc đối chiếu số liệu, bản thân được Chủ tịch nước được tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú và Huân chương lao động Hạng ba và có nhiều bằng khen, giấy khen có thành tích xuất sắc. Hành vi phạm tội của L thuộc trường hợp phạm tội từ 02 lần trở lên.

****Tang vật thu giữ khi bắt, khám xét và người L quan nộ, gồm:***

- Vật chứng thu giữ khi khám xét tại nhà Trần Thị L, gồm:
 - + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số BB395174, Ủy ban dân thành phố Rạch Giá cấp ngày 16/12/2010, có diện tích 61,6m² (photo).
 - + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban dân thành phố Rạch Giá cấp ngày 27/4/2006, có diện tích 61,6m² (photo).
 - + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban dân thành phố Rạch Giá cấp ngày 05/10/2009, có diện tích 115,5m² (photo).
 - + 07 (bảy) biên nhận mượn tiền, 01 (một) giấy mượn tiền và 01 (một) tờ giấy ghi ngày 15/12/2020 (AL) có ghi số tiền (bản gốc).
- Vật chứng thu giữ do Trần Thị H giao, gồm:

+ 03 (ba) quyển tập học sinh ghi nhận tiền ăn bán trú của giáo viên chủ nhiệm giao nộp cho quỹ (từ tháng 12/2019 đến tháng 02/2020, từ tháng 9/2020 đến tháng 10/2020, từ tháng 11 đến tháng 12/2020).

+ 01 (một) hợp đồng dịch vụ nấu ăn;

+ 04 (bốn) chứng từ thu chi bán trú (tháng 1/2020, tháng 9/2020, tháng 10/2020 và tháng 11/2020).

+ 13 (mười ba) phiếu thu tháng 01/2020.

+ 15 (mười lăm) phiếu thu tháng 9/2020.

+ 15 (mười lăm) phiếu thu tháng 10/2020.

+ 15 (mười lăm) phiếu thu tháng 11/2020.

+ 03 (ba) quyển sổ tay ứng tiền các tháng 1/2020, tháng 9/2020, tháng 10/2020, tháng 11/2020 của bà Trần Thị L ký nhận tiền.

+ 01 (một) quyển tập học sinh (sổ tay), trong quyển tập có chữ ký của bà Trần Thị L nhận tiền đồng phục, sách năm 2020. Ngoài ra trong quyển tập còn có nội dung số lượng đồng phục học sinh (năm học 2020-2021)

+ 01 (một) quyển tập học sinh (sổ tay), trong quyển tập có chữ ký (nghị của bà Trần Thị L – Hiệu trưởng Trường tiểu học NBN) ký nhận số tiền 318.408.000 đồng (tiền vận động khen thưởng năm học 2019-2020), ký nhận số tiền 123.740.000 đồng (thu đến năm học 2020-2021).

+ 01 (một) quyển biên lai thu tiền bán trú (lớp $\frac{3}{4}$) của tháng 12/2020.

+ Danh sách vận động khen thưởng cuối năm học 2019-2020, có ký tên phụ huynh học sinh.

+ Danh sách cha mẹ học sinh tài trợ, đóng góp cho nhà trường, có ký tên của Trần Thị H, Trưởng ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp và giáo viên chủ nhiệm.

+ 01 (một) bộ hợp đồng, thanh lý hợp đồng, bảng báo giá, biên bản bàn giao, hóa đơn bán hàng (xuất ngày 10/7/2020) số tiền 29.836.000 đồng.

+ 01 (một) bộ hợp đồng, thanh lý hợp đồng, bảng báo giá, biên bản bàn giao, hóa đơn bán hàng (xuất ngày 10/7/2020) số tiền 144.291.000 đồng.

+ 01 (một) bộ hợp đồng, thanh lý hợp đồng, bảng báo giá, biên bản bàn giao, hóa đơn bán hàng (xuất ngày 11/7/2020) số tiền 144.248.000 đồng.

+ 02 (hai) hóa đơn bán lẻ 170.000 đồng.

+ 01 (một) quyển sổ theo dõi tiền vận động khen thưởng năm học 2019-2020 (có ký nhận của bà L)

+ Kế hoạch vận động khen thưởng.

- Vật chứng thu giữ do bà Từ Thúy Hằng giao nộp là Phiếu thu ngày 21/11/2020 của trường NBN (người nộp: bà Từ Thúy Hằng, số tiền nộp 401.000.000đ).

- Ngoài ra, cơ quan điều tra còn thu giữ những tài liệu L quan của ông Phạm Văn Tuyên, bà Phạm Thị Thu Thủy, Trương Quốc Việt, Nguyễn Trọng Hưng, Vũ Thị Thìn, Lê Hữu Sang, Văn phòng Công chứng Rạch Giá, Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Rạch Giá, Phòng Giáo dục Rạch Giá giao nộp.

- Ông Cao Tuấn Anh nộp số tiền 47.900.000 đồng theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 22/12/2021.

- Bà Phùng Thị Kim Ngân nộp số tiền 35.000.000 đồng theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 16/12/2021.

- Ông Phạm Hoàng Tú nộp số tiền 9.000.000 đồng theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 09/12/2021.

* Tại Kết luận giám định số 254/KL-KTHS ngày 26/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang, kết luận:

1. Chữ ký mang tên L và chữ ký mang tên Trần Thị L trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 và A2 so với chữ ký mang tên Trần Thị L trên ac1c mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M22 do cùng một người ký ra.

2. Chữ viết ghi tên “L” trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 và A2 so với chữ viết ghi họ tên “Trần Thị L” trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 do cùng một người viết ra.

3. Chữ ký mang tên Trần Thị L trên mẫu cần giám định ký hiệu A3 so với chữ ký mang tên Trần Thị L trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M22 do cùng một người viết ra.

4. Chữ viết ghi họ tên “Trần Thị L” trên mẫu cần giám định ký hiệu A3 so với chữ viết ghi họ tên “Trần Thị L” trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 do cùng một người viết ra.

* Tại Kết luận giám định số 588/KL-KTHS ngày 21/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang, kết luận:

1. Chữ ký mang tên Trương Quốc Việt trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký mang tên Trương Quốc Việt trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M15 không phải do cùng một người ký ra.

2. Chữ ký mang tên Trần Thị H trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký mang tên Trần Thị H trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M10 và M16 đến M20 không phải do cùng một người ký ra.

Tại bản cáo trạng số: 03/CT-VKSKG-P1 ngày 27/01/2022 của Viện kiểm sát nhân tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Trần Thị L về tội “Tham ô tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 353 và điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa tranh luận và luận tội: Bị cáo Trần Thị L với chức vụ Hiệu trưởng Trường Tiểu học NBN đã có hành vi lợi dụng sự không hiểu biết về công tác thu chi tài chính của các thầy cô giáo trong trường cũng như việc không có cán bộ chuyên môn làm công tác thủ quỹ, kế toán. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, bị cáo không triển khai các văn bản L quan đến tài chính cho cấp dưới mà nhân danh lãnh đạo quản lý, là chủ tài khoản của trường để chỉ đạo cấp dưới làm sai quy định, thu và giao các khoản kinh phí tự chủ về cho bị cáo tự cân đối thu chi tại đơn vị. Từ sự phân công này đã tạo điều kiện

cho bị cáo chiếm đoạt các khoản tiền thuộc quyền quản lý của mình như: Tiền thu từ hoạt động bán trú để trả cho cơ sở nấu ăn, mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú và bồi dưỡng cho giáo viên bán trú bằng 1.504.012.000 đồng; tiền hợp đồng cung cấp đồng phục học sinh trong trường sau đó chiếm đoạt không trả lại cho cơ sở cung cấp đồng phục bằng 434.932.000 đồng; tiền cho thuê căn tin của trường chiếm đoạt không nộp vào ngân sách 401.000.000 đồng và vận động quỹ khen thưởng cho học sinh trong các năm học sau đó hợp đồng với cơ sở cung cấp văn phòng phẩm phục vụ khen thưởng nhưng không chi trả mà chiếm đoạt để sử dụng số tiền 246.749.000 đồng. Tổng cộng bị cáo đã chiếm đoạt của Trường Tiểu học NBN là 2.586.693.000 đồng.

Ngoài ra, bị cáo đã thực hiện hành vi gian dối trong việc đưa ra thông tin không đúng về quyền sử dụng nhà và đất tại số 86 Huỳnh Tấn Phát (đã bán cho ông Tú) để tiếp tục ký hợp đồng bán cho người thứ hai là ông Lê Hữu Sang với giá là 2.400.000.000 đồng. Do không công chứng được hợp đồng kéo dài, ngoài số tiền cọc theo thỏa thuận bị cáo còn yêu cầu ông Sang đưa thêm tiền, nói là để Ngân hàng tạo điều kiện cho hai bên công chứng hợp đồng chuyển nhượng (bị cáo nói với ông Sang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp vay Ngân hàng), từ đó ông Sang tin tưởng đã giao tiền cho bị cáo 05 lần tổng cộng 530.000.000đ.

Như vậy, từ những cơ sở trên có đủ căn cứ để xác định bị cáo Trần Thị L đã phạm vào tội “Tham ô tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” như Cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát. Đề nghị HĐXX căn cứ điểm a khoản 4, 5 Điều 353; điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, v, t khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo mức án từ 15 đến 16 năm tù về tội “Tham ô tài sản”, phạt bổ sung cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 03 năm; xử phạt bị cáo mức án từ 7 đến 8 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng Điều 55 BLHS tổng hợp hình phạt chung của 02 tội từ 22 đến 24 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại là Trường Tiểu học NBN và ông Lê Hữu Sang. Đồng thời buộc Trường Tiểu học NBN có trách nhiệm hoàn trả cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền nhà trường còn nợ lại do hành vi tham ô của bị cáo gây ra.

- Về quan điểm bào chữa của luật sư: Thống nhất với đề nghị của Viện Kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo về 02 tội là “Tham ô tài

sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị HĐXX xem xét, do trường không có thủ quỹ, kế toán chuyên trách nên bị cáo phải tự giữ tiền, tự cân đối thu chi từ chỗ không biết tính toán, làm ăn bên ngoài thiếu nợ bị cáo chỉ định tạm mượn tiền của trường sau đó trả lại nhưng không có để trả. Sự việc xảy ra bị cáo rất hối hận, thành khẩn khai nhận với cơ quan điều tra giúp làm sáng tỏ vụ án, gia đình bị cáo có công với cách mạng, được tặng thưởng huân chương kháng chiến, bản thân bị cáo được phong tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú và được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến hạng 3, đại diện bị hại cũng xin giảm nhẹ cho bị cáo nên từ đó, mong HĐXX xem xét xử cho bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo có cơ hội cải tạo giáo dục và làm lại cuộc đời. Còn về trách nhiệm dân sự, bị cáo đồng ý trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của trường và của ông Sang nhưng hiện nay bị cáo không còn tài sản gì.

- Về quan điểm của luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ L quan, bà Trần Thị H: Thống nhất với nhận định của Viện Kiểm sát về phần có L quan với bà H, bởi vì bà H là nhân viên thư viện của Trường Tiểu học NBN, bà không có nghiệp vụ về thủ quỹ, từ đầu bà H cũng đã từ chối do không có chuyên môn, con còn nhỏ không làm nổi, nhưng do lãnh đạo yêu cầu, động viên bà cứ làm giúp trên tinh thần hướng dẫn của hiệu trưởng, chỉ đạo như thế nào thì làm như vậy (không có quyết định phân công, quyết định phân công trong hồ sơ chỉ làm để đối phó khi thanh tra về trường). Quá trình làm công tác thủ quỹ bà cũng không được triển khai văn bản hướng dẫn về tài chính của cấp trên, không được tập huấn gì công tác thu chi. Hơn nữa, việc bị cáo chỉ đạo giao tiền cho bị cáo giữ, cân đối thu chi trong trường không thấy Ban giám hiệu, thầy cô trong trường có ý kiến phản đối gì nên không biết là sai quy định. Việc bị cáo chiếm đoạt tiền thì bà H không biết gì, làm thủ quỹ cũng không có hưởng phụ cấp gì.

Ý kiến người bị hại: Đại diện Trường Tiểu học NBN yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã chiếm đoạt để trường thực hiện nghĩa vụ trả cho những người có L quan và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Ông Lê Hữu Sang yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 530.000.000 đồng và xử bị cáo theo quy định pháp luật.

Ý kiến của những người có quyền lợi nghĩa vụ L quan:

- Đại diện cơ sở nấu ăn Trinh áo dài mới xin vắng mặt tại phiên tòa và có ý kiến yêu cầu Trường Tiểu học NBN hoàn trả số tiền nợ từ hợp đồng cung cấp các suất ăn bán trú cho trường bằng 1.107.264.000 đồng.

- Đại diện công ty TNHH MTV TM-DV AQ Rạch Giá yêu cầu Trường trả số tiền cung cấp đồng phục học sinh còn nợ lại là 434.932.000 đồng.

- Đại diện cơ sở hộ kinh doanh Đình Hương yêu cầu Trường trả lại số tiền hợp đồng mua các vật tư văn phòng phẩm phục vụ cho việc khen thưởng của trường còn nợ lại là 246.749.000 đồng.

- Còn lại những người có quyền lợi nghĩa vụ L quan là thầy, cô giáo trong trường có mặt tại tòa đều có ý kiến, đối với số tiền bồi dưỡng giáo viên bán trú bị cáo đã chiếm đoạt nên nhà trường nợ lại giáo viên người cao nhất là 3.450.000đ, thấp nhất 1.500.000đ, nguyện vọng đều không có yêu cầu trường phải trả số tiền này, tiền bị cáo hoàn trả cho trường thì nhà trường quản lý sử dụng, không có yêu cầu nhận, nên không có ý kiến yêu cầu gì liên quan trong vụ án. Những người vắng mặt, quá trình điều tra cũng có cùng ý kiến không yêu cầu nhận số tiền này.

Bị cáo không có tranh luận gì với Viện kiểm sát và nói lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo rất ăn năn hối hận vì việc làm sai trái của mình và nhận lỗi trước toàn thể các giáo viên trong đơn vị mình, vì hoàn cảnh làm ăn bên ngoài thua lỗ, nợ nần nhiều nơi nên bị cáo đã chiếm đoạt các khoản tiền phục vụ cho mục đích cá nhân của mình cho đến nay đã không còn khả năng trả lại, mong HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Kiên Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Trần Thị L khai nhận: Từ tháng 7 năm 2018 bị cáo được phân công về làm Hiệu trưởng Trường Tiểu học NBN. Theo đó, bị cáo là chủ tài khoản và có quyền tự chủ trong toàn bộ trong hoạt động quản lý, điều hành, thu chi tài chính của trường. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình bị cáo đã chiếm dụng tiền của trường và bán cùng một miếng đất nhà của mình cho 02 người để lấy tiền trả nợ riêng và chi xài cá nhân đến nay không còn khả năng thanh toán, cụ thể

các khoản như sau:

[2.1] Tiền từ hoạt động tổ chức các lớp bán trú

Năm học 2019-2020 nhà trường được Ủy ban thành phố Rạch Giá phê duyệt kế hoạch mở các lớp bán trú cho học sinh tiểu học, theo kế hoạch hoạt động bán trú, hàng tháng giáo viên chủ nhiệm các lớp thu tiền của cha mẹ học sinh như sau: năm học 2019-2020 có 13 lớp bán trú, tổng số 505 học sinh, thu phí phục vụ 150.000đ/tháng/học sinh, thu tiền ăn 27.000đ/1 suất ăn/học sinh; năm học 2020-2021 mở 15 lớp bán trú, tổng số 629 học sinh, thu phí phục vụ 250.000đ/tháng/học sinh, thu tiền ăn 30.000đ/1 suất ăn/học sinh. Số tiền thu bán trú sẽ được phục vụ cho các khoản tiền ăn của học sinh, mua sắm trang thiết bị, bồi dưỡng giáo viên bán trú theo quy định. Đầu năm học bị cáo đứng ra đại diện nhà trường ký hợp đồng với cơ sở nấu ăn Trinh Áo Dài Mới về việc cung cấp các suất ăn bán trú cho trường, thỏa thuận về mức giá và hình thức thanh toán hàng tháng.

Về quy định chung, theo Thông tư của Bộ tài chính và Công văn của Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá hướng dẫn thì các nguồn thu phải được gửi vào tài khoản của trường tại Ngân hàng hoặc Kho bạc, mở sổ sách kế toán, sổ theo dõi và phải tH xuyên đối chiếu giữa thủ quỹ kế toán. Tuy nhiên, do tình hình chung là trường NBN thời điểm đó không có cán bộ chuyên môn làm nhiệm vụ kế toán và thủ quỹ mà chỉ tạm thời phân công nhân viên thư viện là Trần Thị H kiêm nhiệm làm thủ quỹ, cô H không biết gì về thu chi tài chính nên không đồng ý làm nhưng do không có người nên bị cáo kêu cô H làm giúp theo sự chỉ dẫn của bị cáo, mọi việc thu chi bị cáo sẽ tự tính toán, còn kế toán thì phân công thầy Trương Quốc Việt làm nhưng thầy Việt cũng đã có văn bản từ chối không làm vì không biết về nghiệp vụ kế toán. Thời điểm đó, bị cáo có báo lên Phòng Giáo dục nhưng do không cho tuyển người nên thầy Việt chỉ tạm nhận phụ trách làm thủ tục rút chi lương, chi khác từ nguồn ngân sách trường được cấp, đối với các khoản kinh phí trường thu thầy Việt không tham gia. Từ tình hình thực tế này nên bị cáo không thực hiện đúng quy định về thu chi tài chính của trường mà tự quản lý số tiền thu và chi trả các khoản theo kế hoạch.

Số tiền thu bán trú, sau khi giáo viên chủ nhiệm thu của cha mẹ học sinh giao lại cho cô H thì bị cáo chỉ đạo giao tiền mặt lại cho bị cáo quản lý hết, việc giao nhận tiền giữa các bên có ký sổ sách theo dõi. Sau khi nhận tiền bị cáo cân đối các khoản chi như trả tiền cho cơ sở nấu ăn, mua dụng cụ vệ sinh, trả lại tiền cho học sinh không ăn, bồi dưỡng giáo viên bán trú, bị cáo tự chi trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, riêng tiền trả cho cơ sở nấu ăn hàng tháng bị cáo đưa cho cô H chuyển khoản trả.

Việc thu, chi này thời gian đầu bị cáo làm đúng như chỉ đạo, chi trả các khoản tiền đầy đủ. Năm học 2019-2020 thực hiện đến tháng 01/2020 do tình hình dịch covid nên ngưng bán trú đến cuối năm, số tiền thu bán trú của tháng 01/2020 bị cáo chi trả các khoản khác riêng tiền dùng để trả cho cơ sở nấu ăn và mua trang thiết bị phục vụ bán trú bị cáo không trả mà chiếm dụng để trả nợ và tiêu xài với số tiền **172.555.000 đồng** (bị cáo nói với cô H là tự trả cho cơ sở nấu ăn nên cô H không biết bị cáo chiếm dụng số tiền này).

Đến năm học 2020-2021, bằng hình thức như trên bị cáo tiếp tục chiếm đoạt số tiền thu bán trú để trả cho cơ sở nấu ăn và mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú của các tháng: Tháng 9 năm 2020 số tiền **301.561.000 đồng**, tháng 10/2020 bằng **453.730.000 đồng** và tháng 11/2020 bằng **425.500.000 đồng**. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của tháng 01/2020 và các tháng 9, 10, 11 năm 2020 bằng **1.353.346.000 đồng**. Tiếp tục đến tháng 12/2020, bị cáo giữ số tiền thu 86.926.000 đồng, có trả lại tiền cho học sinh không ăn bằng 10.710.000 đồng, còn lại **76.216.000 đồng** bị cáo chiếm đoạt sử dụng. Từ thời điểm này trở về sau, do bị phát hiện số nợ cơ sở nấu ăn nên Phòng giáo dục mời làm việc và thông báo về trường thì thầy hiệu phó là thầy Hưng chỉ đạo cho cô H không giao tiền cho bị cáo nữa mà thu nộp vào Kho bạc đúng quy định. Tuy nhiên, bị cáo là chủ tài khoản nên đã sử dụng dịch vụ Internet banking để chuyển số tiền trong tài khoản của trường chi trả bồi dưỡng cho giáo viên bán trú của trường, tiền bồi dưỡng phải chi của tháng 11/2020 bị cáo đã chiếm dụng không có trả lại nên bị cáo dùng tiền thu của tháng 12/2020 trả lại cho tháng 11, tiếp tục lấy của tháng sau trả cho tháng trước để bù đắp cho số tiền bị cáo đã chiếm đoạt, đến tháng 3/2021 bị cáo bị cách chức Hiệu trưởng nên không sử dụng tiền từ tài khoản của trường nữa dẫn đến phát sinh số nợ tiền bồi dưỡng giáo viên bán trú **74.450.000 đồng** (nợ 30 người, đây là số tiền mà bị cáo đã lấy của tháng 11/2020).

Như vậy tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt từ tiền thu bán trú bằng **1.504.012.000 đồng**.

[2.2] *Tiền đồng phục*

Năm 2019, bị cáo đứng ra đại diện cho trường ký hợp đồng với Công ty AQ để đặt may đồng phục cung cấp cho học sinh trong trường bằng hình thức bán đồng phục có thu tiền sau đó sẽ thanh toán lại cho công ty AQ, công ty có cam kết hỗ trợ cho trường một số phúc lợi như tặng quà học sinh nghèo. Năm học 2019-2020, ban đầu sau khi nhận đồng phục từ công ty về bán cho học sinh cô H thu tiền giao lại bị cáo thanh toán cho công ty đầy đủ, về sau phát sinh thêm một số quần áo bán thu

được 20.703.000 đồng cô H cũng giao theo yêu cầu của bị cáo nhưng bị cáo không thanh toán cho công ty AQ mà chiếm đoạt sử dụng. Tiếp tục năm học 2020-2021, nhà trường đã nhận của công ty AQ tổng số đồng phục trị giá 414.229.000đ, cô H đã bán thu tiền giao cho bị cáo đầy đủ số tiền trên nhưng bị cáo không trả cho công ty mà chiếm đoạt sử dụng cá nhân. Tổng cộng số tiền đồng phục bị cáo chiếm đoạt bằng **434.932.000 đồng**.

[2.3] Tiền phục vụ hoạt động khen thưởng

Năm học 2019-2020, bị cáo có chỉ đạo xây dựng kế hoạch vận động sự hỗ trợ từ cha mẹ học sinh để phục vụ cho việc khen thưởng học sinh cuối năm, số tiền đóng góp được 318.708.000 đồng, do thầy cô chủ nhiệm thu trên tinh thần tự nguyện đóng góp của cha mẹ học sinh sau đó giao lại cho cô H. Bị cáo đã chỉ đạo giao lại cho bị cáo quản lý chi như các khoản tiền thu khác và để có văn phòng phẩm khen thưởng cho học sinh bị cáo đã đặt mua nhiều loại vật tư thiết bị của cơ sở kinh doanh ĐH như ba lô, cặp, tập, khung khen thưởng...với giá trị 318.375.000 đồng. Trường đã nhận các vật tư trên về khen thưởng cho học sinh nhưng số tiền đang quản lý thì bị cáo chỉ trả cho cơ sở ĐH 71.619.000 đồng, đưa cho cô H 340.000 đồng mua 20 cuộn băng keo, còn lại **246.749.000 đồng** bị cáo đã chiếm đoạt để trả nợ riêng của mình.

[2.4] Tiền cho thuê mặt bằng bán căn tin

Trường có cho bà Từ Thuý Hg thuê mặt bằng là khoảng đất trống số 73 Nguyễn Trung Trực, pH Vĩnh Bảo từ tháng 9 năm 2018 đến tháng 5 năm 2023, số tiền thuê 401.000.000đ/năm học/8 tháng, theo quy chế của trường tiền cho thuê căn tin nộp vào ngân sách của trường. Sau khi thuê bà Hg đã nộp tiền thuê cho trường lần 1 bằng 401.000.000đ, lần 2 bằng 150.000.000đ, số tiền này trường có ra phiếu thu có thủ quỹ, kế toán ký, bị cáo chỉ đạo nộp vào tài khoản của trường tại kho bạc. Riêng lần thứ 3 vào ngày 21/11/2020 bà Hằng nộp **401.000.000đ**, bị cáo là người nhận, do hôm đó là ngày thứ 7, không có ai ở trường nên bị cáo đã giả chữ ký của thủ quỹ, kế toán và ký tên mình vào phiếu thu giao cho bà Hằng, thời điểm này do thiếu nợ quá bị cáo đã chiếm dụng số tiền này trả nợ cá nhân.

[2.5] Chiếm đoạt tiền từ hợp đồng chuyển nhượng nhà và đất

Đối với nhà đất do bị cáo đứng tên tại số 86 đường Huỳnh Tấn Phát, khu phố Thông Chũr, pH Vĩnh Hiệp thì do bị cáo không biết và không có giấy tờ làm chứng nên mới trở thành lừa đảo ông Sang. Ban đầu bị cáo có ký hợp đồng bán nhà đất cho ông Nguyễn Hải T nhưng có thoả thuận miệng bên ngoài là tiền vay, bị cáo có nhận của ông Tú 02 tỷ đồng, ông T hứa khi nào bị cáo có tiền trả lại thì ông T cho chuộc

nhà lại, ông T kêu bị cáo phải ký hợp đồng thuê lại nhà để ở. Sau đó do cần tiền trả nợ bị cáo tìm người để bán đứt nhà này lấy số tiền dư ra trả nợ, bị cáo có nói với ông T nếu bán được thì bị cáo trả lại ông T 02 tỷ, phần còn lại bị cáo lấy (nay ông T không thừa nhận việc này). Qua sự giới thiệu của ông Đg, bị cáo ký hợp đồng bán nhà đất trên cho ông Lê Hữu S với giá 2,4 tỷ đồng vào ngày 30/01/2021, bị cáo không có nói với ông S nhà đất đã sang tên cho ông T vì nghĩ rằng khi lấy được tiền của ông S sẽ trả cho ông T thì ông T trả nhà lại cho bị cáo giao cho ông S. Từ thỏa thuận mua bán nhà trên bị cáo đã nhận tiền của ông Sang 05 lần, lần 1 bằng 200.000.000 đồng, lần 2 là 100.000.000 đồng, lần 3 bằng 30.000.000 đồng, lần 4 bằng 100.000.000 đồng, lần 5 bằng 100.000.000 đồng. Tổng cộng bị cáo nhận của ông Sang **530.000.000 đồng**, bị cáo đã sử dụng số tiền này trả cho ông Phạm Hoàng T1 9.000.000 đồng, trả ông Cao Văn Đ 14.000.000 đồng, còn lại chi xài cá nhân đến khi không giao nhà được cho ông S ông S báo Công an.

[3] Xét lời khai nhận của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị hại người có L quan đã được thẩm tra làm rõ tại toà. Với việc lợi dụng chức vụ quyền hạn được giao là hiệu trưởng Trường Tiểu học NBN và việc thiếu cán bộ chuyên trách cho các vị trí kế toán, thủ quỹ của đơn vị, bị cáo Trần Thị L đã chỉ đạo, điều hành, quản lý các khoản kinh phí tự thu, tự chi của trường sai quy định, từ đó thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền mà mình có trách nhiệm quản lý đã được làm rõ qua các biên bản đối chiếu (bút lục 810-830) bao gồm: Tiền thu từ hoạt động bán trú 1.504.012.000 đồng, tiền hợp đồng cung cấp đồng phục 434.932.000 đồng, tiền vận động khen thưởng 246.749.000đồng, tiền cho thuê căn tin của trường 401.000.000 đồng, tổng cộng các khoản bằng 2.586.693.000 đồng như trên của bị cáo đã phạm vào tội “Tham ô tài sản” thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 BLHS. Đồng thời, hành vi dùng thủ đoạn gian dối, che giấu thông tin nhà đất của bị cáo tại số 86 Huỳnh Tấn Phát đã chuyển nhượng sang tên cho ông Nguyễn Hải T để tiếp tục chuyển nhượng cho ông Sang, đưa ra nhiều lý do không có thật để ông Sang đưa tiền mua đất cho bị cáo nhiều lần bằng 530.000.000đồng rồi chiếm đoạt không trả là đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong vụ án. Với vai trò, vị trí là người lãnh đạo, quản lý đứng đầu trong một tổ chức, bị cáo đã lợi

dụng quy định về quyền tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập của Trường NBN để chỉ đạo, điều hành chế độ thu chi tài chính sai quy định, nhằm tạo điều kiện cho mình dễ dàng thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của nhà trường. Đồng thời sự thiếu hiểu biết về lĩnh vực tài chính của cán bộ, giáo viên cũng như sự thiếu hụt nhân sự cho các vị trí kế toán, thủ quỹ trong đơn vị cũng là một trong những nguyên nhân, điều kiện để bị cáo thực hiện tội phạm. Sự phân công thầy, cô giáo, những người không có nghiệp vụ, không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định để kiêm nhiệm kế toán, thủ quỹ sai quy định trong một thời gian dài dẫn đến bị cáo chiếm đoạt được một số tiền lớn của đơn vị. Bản thân bị cáo hoàn toàn nhận thức được rằng hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng với mục đích cố ý chiếm đoạt tiền của đơn vị mình, bị cáo dùng nhiều thủ đoạn như tự đứng ra quản lý tiền thu được, tự ký kết, tự chi trả các hợp đồng cung cấp các suất ăn, cung cấp vật tư văn phòng..., cũng như dùng thủ đoạn gian dối lập phiếu thu giả thu tiền cho thuê căn tin rồi chiếm đoạt.

Ngoài ra, cho rằng thiếu nợ bên ngoài số tiền lớn bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối ký hợp đồng chuyển nhượng nhà đất không còn thuộc quyền sở hữu của mình cho ông Lê Hữu S để chiếm đoạt tài sản. Để được bị hại tin tưởng đưa tiền bị cáo đã nhiều lần đưa ra nhiều thông tin gian dối như cần tiền để Ngân hàng tạo điều kiện cho hai bên công chứng hợp đồng (bị cáo nói giấy tờ nhà đất đang thế chấp vay Ngân hàng) nên ông Sang đã chuyển cho bị cáo 05 lần với số tiền 530.000.000đ. Tại phiên tòa bị cáo có khai nại rằng trước đó chỉ vay tiền của ông T, ký hợp đồng chuyển nhượng là để bảo đảm nợ vay, tuy nhiên lời khai này là không có căn cứ, không phù hợp với sự thật khách quan của vụ việc. Quá trình điều tra, bị cáo và ông T đã có đối chất làm rõ (bút lục 1573), cũng như tại phiên tòa người đại diện của ông T khẳng định bị cáo đã bán nhà đất này cho ông T (giá bán 02 tỷ đồng, để giảm tiền thuế hợp đồng chỉ ghi 01 tỷ, bị cáo thừa nhận đã nhận của ông Tú 02 tỷ), giấy tờ nhà đã biến động sang tên cho ông T, bị cáo đang ký hợp đồng thuê lại để ở. Hơn nữa, quá trình thực hiện hành vi lừa đảo bị cáo còn đưa ra nhiều thông tin gian dối khác để ông S tin tưởng đưa tiền nhiều lần cho đến khi bị phát hiện thì bị cáo không trả lại tiền cho ông S, cho nên ông S phải báo Công an giải quyết đến nay. Điều này cho thấy ý thức, thủ đoạn chiếm đoạt tài sản của bị cáo, hoàn toàn không có sự việc tình ngay lý gian như bị cáo khai tại tòa.

Là một người lãnh đạo, đứng đầu trong công tác chống tham nhũng của đơn vị, là nhà giáo ưu tú, một người có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác, có nhiều đóng góp cho sự nghiệp giáo dục nhưng bị cáo không biết tu dưỡng, rèn

luyện bản thân, mà lợi dụng sự tin tưởng của Đảng và Nhà nước, lợi dụng uy tín, lợi dụng chức vụ quyền hạn được giao để tham ô của công, lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, gây thiệt hại cho danh dự, uy tín, tài sản tổ chức, cá nhân, gây bất bình hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, cho nên phải bị truy tố và xét xử theo quy định. Trên cơ sở đánh giá toàn diện vụ án, các tình tiết giảm nhẹ cũng như quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát, đại diện bị hại, người có L quan, HĐXX cần quyết định một mức án tương xứng, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định đủ để răn đe giáo dục đối với bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhiều lần chiếm đoạt tài sản của T cũng như của bị hại Lê Hữu S nên đều bị áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 cho cả hai tội danh.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự; giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải hành vi phạm tội của mình, quá trình công tác được phong tặng danh hiệu nhà giáo ưu tú, được chủ tịch nước tặng thưởng huân chương lao động hạng 3, đại diện bị hại là Trường tiểu học NBN xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo từ đó Hội đồng xét xử cần xem xét áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 51, nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo.

[7] Về áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 353 BLHS, cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ nhất định trong thời hạn 03 năm kể từ khi chấp hành xong hành phạt chính của bản án.

[8] Về tổng hợp hình phạt: Bị cáo bị xét xử cùng 01 lần về hai tội, căn cứ khoản 1 Điều 55 BLHS tổng hợp hình phạt chính buộc bị cáo phải chấp hành theo quy định.

[9] Về quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát: Về tội danh; hình phạt; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS và mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS là không phù hợp, bởi vì việc bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải tích cực hợp tác với cơ

quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án đã được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[10] Về quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo: Thống nhất về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo là phù hợp, HĐXX chấp nhận.

[11] Về quan điểm của luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bà H: Thống nhất với quan điểm của Viện Kiểm sát là phù hợp, HĐXX chấp nhận

[12] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho Trường Tiểu học NBN 2.586.693.000 đồng (khấu trừ số tiền Cao Tuấn A và Phùng Thị Kim Ng nộp lại 82.900.000đ), bị cáo còn phải tiếp tục bồi tH cho Trường Tiểu học NBN số tiền 2.503.793.000đ và hoàn trả cho ông Lê Hữu S 530.000.000 đồng (khấu trừ số tiền ông Nguyễn Hoàng T nộp lại 9.000.000đ), bị cáo còn phải tiếp tục bồi tH cho ông Lê Hữu S số tiền 521.000.000đ.

Đối với các khoản nợ phát sinh do bị cáo chiếm đoạt tiền của Trường không trả, căn cứ Điều 48 BLHS, Điều 597 BLDS buộc Trường Tiểu học NBN phải có nghĩa vụ hoàn trả cho những người có L quan gồm:

- Trường Tiểu học NBN có trách nhiệm nộp trả Ngân sách Nhà nước số tiền 401.000.000 đồng (tiền thuê mặt bằng căn tin);

- Trường Tiểu học NBN có trách nhiệm hoàn trả cho cơ sở nấu ăn Trinh ÁDM 1.107.264.000 đồng, trả cho công ty TNHH MTV TM-DV AQ số tiền 434.932.000 đồng, trả cho cơ sở ĐH số tiền 246.749.000 đồng.

- Đối với số tiền nợ chi bồi dưỡng cho giáo viên, nhân viên phục vụ các lớp bán trú (người nhiều nhất 3.450.000đ, ít nhất 1.500.000đ) do những người có liên quan có mặt tại tòa không yêu cầu Trường Tiểu học NBN thực hiện nghĩa vụ hoàn trả, còn lại những người vắng mặt cũng không có yêu cầu gì nên phần tiền này sẽ được giải quyết theo thỏa thuận giữa Trường NBN với các thầy cô giáo khi có yêu cầu, HĐXX không xem xét buộc phần trách nhiệm này trong vụ án.

[13] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, lưu hồ sơ vụ án những vật chứng đã được cơ quan điều tra đưa vào hồ sơ vụ án.

Truy thu số tiền phạm tội mà có để khắc phục hậu quả do bị cáo đã chuyển trả cho những người sau:

- Buộc ông Cao Tuấn A có nghĩa vụ nộp trả lại số tiền 47.900.000đ, bà Phùng Thị Kim Ng có nghĩa vụ nộp trả số tiền 35.000.000đ (để khắc phục hậu quả cho Trường Tiểu học NBN, đã nộp xong);

- Buộc ông Phạm Hoàng T có nghĩa vụ nộp trả 9.000.000đ (đã nộp xong), ông Cao Văn Đg có nghĩa vụ nộp trả số tiền 14.000.000 đ (để khắc phục hậu quả cho ông Lê Hữu S).

[14] Đối với những người có L quan đến vụ án:

- Bà Trần Thị H là nhân viên thư viện, được phân công kiêm nhiệm thủ quỹ của Trường Tiểu Học NBN (có quyết định phân công nhưng nhằm để đối phó với Đoàn Thanh tra thành phố Rạch Giá) trong tình hình đơn vị không có cán bộ chuyên môn. Bà H không hiểu biết về nghiệp vụ tài chính, kế toán, không được triển khai, tập huấn các văn bản của cấp trên. Bị cáo L đã hướng dẫn, chỉ đạo việc thu và giao tiền cho mình quản lý chi sai quy định ngay từ đầu khi bà H làm kiêm nhiệm thủ quỹ nên bà H không biết việc làm của mình là sai nguyên tắc. Bà H cũng không biết việc bị cáo chiếm đoạt tiền, không có hành vi giúp sức, che giấu hay hưởng lợi gì nên cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

- Ông Trương Quốc V không nhận nhiệm vụ kế toán trong giai đoạn bị cáo thực hiện tội phạm nên không có trách nhiệm gì là đúng quy định.

- Đối với những người đã nhận tiền bị cáo chuyển trả nợ do không biết đó là tiền bị cáo phạm tội nên phải trả lại tiền để khắc phục hậu quả cho bị hại mà không phải chịu trách nhiệm là phù hợp.

- Đối với người môi giới bán đất cho bị cáo là ông Phạm Hoàng T và Cao Văn Đg đã được cơ quan điều tra làm rõ là không biết bị cáo đã bán nhà đất cho người khác, không bàn bạc giúp sức gì cho bị cáo trong việc lừa đảo đối với ông Sang nên chỉ phải nộp trả số tiền đã nhận của bị cáo và không bị truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[8] Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng, án phí dân sự có giá ngạch bằng $[72.000.000đ + (1.024.793.000 \times 2\%)] = 92.495.860đ$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 353; điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, v khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Tuyên bố bị cáo **Trần Thị L** phạm tội “Tham ô tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Xử phạt bị cáo **Trần Thị L** 16 (mười sáu) năm tù về tội “Tham ô tài sản” và 08 (tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 55 BLHS, tổng hợp hình phạt chính của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 24 (hai mươi bốn) năm tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 24/5/2021.

- Căn cứ khoản 5 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bổ sung: Cấm bị cáo Trần Thị L đảm nhiệm chức vụ nhất định trong thời hạn 03 năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt chính của bản án.

2. Về trách dân sự: Áp dụng Điều 46, 48 BLHS và Điều 597 BLDS.

- Buộc bị cáo Trần Thị L có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho Trường Tiểu học NBN 2.586.693.000 đồng (Hai tỷ năm trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng) khấu trừ số tiền ông Cao Tuấn A đã nộp 47.900.000đ theo giấy nộp tiền ngày 22/12/2021 và khấu trừ số tiền bà Phùng Thị Kim Ng đã nộp 35.000.000đ theo giấy nộp tiền ngày 15/12/2021 vào tài khoản của Thanh tra Sở tài chính Kiên Giang. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho Trường Tiểu học NBN số tiền 2.503.793.000đ (Hai tỷ năm trăm lẻ ba triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn đồng).

Buộc bị cáo Trần Thị L có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Lê Hữu S 530.000.000 đồng (Năm trăm ba mươi triệu đồng), khấu trừ số tiền ông Phạm Hoàng T đã nộp 9.000.000đ theo giấy nộp tiền ngày 09/12/2021 vào tài khoản của Thanh tra Sở tài chính Kiên Giang. Bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho ông Lê Hữu S số tiền 521.000.000đ (Năm trăm hai mươi một triệu đồng).

- Buộc Trường Tiểu học NBN có trách nhiệm nộp trả Ngân sách Nhà nước số tiền 401.000.000 đồng (Bốn trăm lẻ một triệu đồng) tiền thuê mặt bằng căn tin;

- Buộc Trường Tiểu học NBN có trách nhiệm hoàn trả cho cơ sở nấu ăn Trình Áo Dài Mới 1.107.264.000 đồng (Một tỷ một trăm lẻ bảy triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn đồng), trả cho công ty TNHH MTV TM-DV AQ số tiền 434.932.000 đồng (Bốn trăm ba mươi bốn triệu, chín trăm ba mươi hai nghìn

đồng), trả cho cơ sở ĐH số tiền 246.749.000 đồng (Hai trăm bốn mươi sáu triệu, bảy trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Buộc những người có L quan đã nhận số tiền (tiền phạm tội) mà bị cáo đã chuyển trả gồm:

- Buộc ông Cao Tuấn A có nghĩa vụ nộp trả cho Trường Tiểu học NBN số tiền 47.900.000đ (khấu trừ số tiền ông Cao Tuấn A đã nộp 47.900.000đ theo giấy nộp tiền ngày 22/12/2021 vào tài khoản của Thanh tra Sở tài chính Kiên Giang), ông Cao Tuấn A đã nộp xong.

- Buộc bà Phùng Thị Kim Ng có nghĩa vụ nộp trả cho Trường Tiểu học NBN số tiền 35.000.000đ (khấu trừ số tiền bà Phùng Thị Kim Ng đã nộp 35.000.000đ theo giấy nộp tiền ngày 15/12/2021 vào tài khoản của Thanh tra Sở tài chính Kiên Giang), bà Ng đã nộp xong.

- Buộc ông Phạm Hoàng T có nghĩa vụ nộp trả số tiền 9.000.000đ (khấu trừ số tiền ông Phạm Hoàng T đã nộp 9.000.000đ theo giấy nộp tiền ngày 09/12/2021 vào tài khoản của Thanh tra Sở tài chính Kiên Giang) để khắc phục hậu quả cho ông Lê Hữu S.

- Buộc ông Cao Văn Đ có nghĩa vụ nộp trả số tiền 14.000.000 đ để khắc phục hậu quả cho ông Lê Hữu S.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Trần Thị L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), án phí dân sự có giá ngạch bằng 92.495.860đ (Chín mươi hai triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm sáu mươi đồng)

5. Báo cho bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan có quyền kháng cáo phần L quan đến mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với những người có L quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- THA tỉnh KG (1)
- Cơ quan điều tra tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Trại tạm giam - CA tỉnh KG;
- Bị cáo (1);
- Đại diện bị hại (2);
- Người L quan (37);
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Diệu Hiền